TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/DS-ST
Ngày: 15 – 7 – 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lam Minh Tâm

2. Ông Nguyễn Thanh Huỳnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiểu - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Mai Hoàng L

2. Bà Nguyễn Thị H

Ông Mai Hoàng L là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H.

Cư trú tại: Ấp G, thị trấn V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:*

1. Ông Phạm Văn K

2. Anh Phạm Văn T

3. Chị Nguyễn Thị K

Cư trú tại: Ấp G, thị trấn V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ông Mai Hoàng L, ông Phạm Văn K có mặt; anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị K vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Mai Hoàng L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào ngày 27/4/2015 vợ chồng ông có cho ông Phạm Văn K, anh Phạm Văn T (con trai ông K), chị Nguyễn Thị K (vợ anh T) vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, hai bên có làm biên nhận nợ do ông K, anh T, chị K cùng ký tên. Sau khi vay thì anh T, chị K có trả được tiền lãi cho ông bà được khoảng 01 năm rồi ngưng không trả nữa, không nhớ số tiền lãi đã trả bao nhiêu. Do không trả được tiền lãi cũng như tiền gốc nên anh T, chị K có nhờ vợ chồng ông đứng ra tham gia một dây hụi tháng 5.000.000đ. Anh T và chị K hốt hụi được số tiền 140.000.000đ; số tiền này anh T, chị K đã trả cho vợ chồng ông và được trừ vào số tiền gốc đã vay, còn nợ lại 60.000.000đ. Sau khi hốt hụi anh T, chị K có đóng lại hụi chết hàng tháng nhưng còn nợ lại 04 lần hụi chết với số tiền 20.000.000đ; do vợ chồng ông là người đứng chơi hụi dùm anh T và chị K nên ông và bà H đã đóng thay 04 lần hụi này bằng 20.000.000đ. Như vậy, tổng cộng ông K, anh T và chị K còn nợ ông số tiền 80.000.000đ. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn K, anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị K cùng có trách nhiệm trả cho ông số tiền còn nợ 80.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, theo biên bản ghi lời khai ngày 08/5/2019 và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn K trình bày: Ông thừa nhận vào năm 2015 ông và anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị K có vay của ông Mai Hoàng L và bà Nguyễn Thị H số tiền 200.000.000đ, có làm biên nhận nợ do ông, anh T và chị K cùng ký tên. Sau khi vay thì anh T và chị K đã trả được 120.000.000đ tiền vốn vay, còn nợ lại 60.000.000đ và 20.000.000đ tiền hụi. Nay ông đồng ý cùng với anh T và chị K trả cho ông Mai Hoàng L, bà Nguyễn Thị H số tiền còn nợ 80.000.000đ; nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn ông yêu cầu được trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ.

Bị đơn anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị K trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của anh T và chị K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Phạm Văn T, Nguyễn Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung vụ án: Ông Phạm Văn K đã thừa nhận còn nợ ông Mai Hoàng L và bà Nguyễn Thị H số tiền 80.000.000đ và đồng ý trả số tiền còn nợ nhưng yêu cầu được trả dần hàng tháng. Tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã V thì anh T, chị K cũng đều thừa nhận còn nợ ông L, bà H số tiền 80.000.000đ. Việc bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn là chứng cứ không cần phải chứng minh. Do bị đơn không thanh toán đầy đủ tiền cho nguyên đơn và còn nợ số tiền 80.000.000đ đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 80.000.000đ, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Các đương sự tranh chấp với nhau về số tiền đã cho vay nhưng chưa thanh toán. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Căn cứ theo quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay tiếp tục vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh T và chị K nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Mai Hoàng L, bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Phạm Văn K, anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị K trả số tiền vay còn nợ 80.000.000đ, không yêu cầu tính lãi; Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, qua lời trình bày của đương sự có cơ sở xác định: Ngày 27/4/2015 ông Mai Hoàng L và vợ là bà Nguyễn Thị H có cho ông Phạm Văn K, anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị K vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, có làm biên nhận nợ. Do không có khả năng trả nợ nên anh T và chị K có nhờ ông L, bà H đứng ra tham gia dây hụi tháng 5.000.000đ. Sau khi hốt hụi thì anh T, chị K đã trả cho ông L, bà H được 140.000.000đ tiền vốn gốc đã vay, còn nợ lại 60.000.000đ. Sau đó anh T và chị K có đóng hụi chết hàng tháng nhưng còn nợ lại 04 lần với số tiền 20.000.000đ. Phần nợ hụi 20.000.000đ ông L, bà H đã đóng thay cho anh T và chị K xong. Sau khi ông L, bà H đã đóng hụi thay cho anh T và chị K nhưng anh chị không thanh toán lại số tiền hụi này và không tiếp tục trả số tiền vốn vay còn nợ 60.000.000đ. Như vậy tổng số tiền ông Phạm Văn K, anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị K còn nợ ông Mai Hoàng L và bà Nguyễn Thị H là 80.000.000đ.

[3.2]. Việc thỏa thuận vay tài sản là sự tự nguyện của các bên, ông K, anh T, chị K đã nhận số tiền vay từ ông L, bà H nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông L, bà H đã cung cấp cho Tòa án "Biên nhận" nợ lập ngày 27/4/2015 có chữ ký của ông K, anh T, chị K. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông K, anh T, chị K nhiều lần để ghi nhận ý kiến, tham gia các phiên họp, phiên hòa giải nhưng anh T, chị K đều không có mặt để cung cấp ý kiến nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi lời khai ông Phạm Văn K đã thừa nhận có vay tiền của ông L, bà H và còn nợ 80.000.000đ như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã V lập ngày 14/12/2017 thì ông K, anh T, chị K cũng đều thừa nhận còn nợ ông L, bà H số tiền là 80.000.000đ, trong đó 60.000.000đ tiền vốn vay và 20.000.000đ tiền hụi mà ông L, bà H đã đóng thay và đồng ý trả số nợ này. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông L, bà H là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Như vậy, có căn cứ buộc ông Phạm Văn K, anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị K trả cho ông Mai Hoàng L, bà Nguyễn Thị H số tiền còn nợ 80.000.000đ. Ông L, bà H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 80.000.000đ x 5% = 4.000.000đ.

Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 227, 288, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Hoàng L, bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Phạm Văn K, anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị K.

2. Buộc ông Phạm Văn K, anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị K có nghĩa vụ phải trả cho ông Mai Hoàng L, bà Nguyễn Thị H số tiền còn nợ 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không thỏa thuận được mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Phạm Văn K, anh Phạm Văn T và chị Nguyễn Thị K phải chịu số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

4.2. Ông Mai Hoàng L, bà Nguyễn Thị H được nhận lại 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu tiền số 0019628 lập ngày 29/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/7/2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thừa